

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính  
Đơn vị: Trường THCS Nguyễn Lương Bằng **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT**  
Chương: 622 **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Miện, ngày 12 tháng 6 năm 2025

## CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN BỔ SUNG THU – CHI NĂM 2025

(Kèm theo quyết định số 02CK/QĐ-HT ngày 12/06/ 2025)

(Dùng cho đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ,

Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017;

Đơn vị: đồng

| STT | Nội dung                                    | Dự toán được giao |
|-----|---------------------------------------------|-------------------|
| 1   | 2                                           | 3                 |
| A   | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí | 10.420.000        |
| I   | Số thu phí, lệ phí                          | 0                 |
| 1   | Lệ phí                                      |                   |
| 2   | Học phí                                     |                   |
| II  | Chi từ nguồn thu phí được để lại            | 0                 |
| 1   | Chi sự nghiệp                               |                   |
| a   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                   |
| b   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        |                   |
| 2   | Chi quản lý hành chính                      |                   |
| a   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                   |
| b   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                   |
| III | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước       | 0                 |
| 1   | Lệ phí                                      |                   |
| 2   | Học phí                                     |                   |
| B   | Dự toán chi ngân sách nhà nước              | 10.420.000        |
| I   | Nguồn ngân sách trong nước                  | 10.420.000        |
| 1   | Chi quản lý hành chính                      |                   |
| 11  | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ            |                   |
| 12  | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ      |                   |
| 2   | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ         |                   |
| 3   | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề | 10.420.000        |
| 31  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên              |                   |
| 32  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên        | 10.420.000        |



|     |                                                  |  |
|-----|--------------------------------------------------|--|
| 4   | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |  |
| 5   | Chi bảo đảm xã hội                               |  |
| 6   | Chi hoạt động kinh tế                            |  |
| 7   | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |  |
| 8   | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |  |
| 9   | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |  |
| 10  | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |  |
| II  | Nguồn vốn viện trợ                               |  |
| III | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |  |

MISA Mimosa NET 2020

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

**Kế toán**

*Phuong*

**Vũ Thị Phương**



**Nguyễn Xuân Quỳnh**



MISA Mimosa NET 2020